

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn
trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3647/TTr-SNV ngày 20 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 và thay thế Quyết định số 32/2020/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Báo Bình Thuận, Đài PT-TH Bình Thuận;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTTHC. N

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Văn Đăng

QUY CHẾ

Tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Thuận
(Kèm theo Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND ngày 07/02/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là công chức cấp xã) trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi là ủy ban nhân dân cấp huyện).
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi chung là ủy ban nhân dân cấp xã).
- Người dự tuyển vào chức danh công chức cấp xã được quy định tại khoản 3 Điều 61 Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi, bổ sung năm 2019).
- Các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã.

Chương II TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Mục 1

CĂN CỨ, ĐIỀU KIỆN, ĐỐI TƯỢNG, ĐIỂM ƯU TIÊN VÀ HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

Điều 3. Căn cứ tuyển dụng công chức cấp xã

- Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và số lượng chức danh công chức của từng đơn vị hành chính cấp xã được giao.
- Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch tuyển dụng, quyết định tuyển dụng theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan quản lý công chức phê duyệt để làm căn cứ tuyển dụng trước mỗi kỳ tuyển dụng. Nội dung kế hoạch tuyển dụng bao gồm:

a) Số lượng công chức được giao và số lượng công chức chưa sử dụng của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tuyển dụng.

b) Số lượng công chức cấp xã cần tuyển ở từng vị trí việc làm, trong đó xác định cụ thể vị trí việc làm được tuyển dụng chung cho nhiều ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có).

c) Số lượng công chức, vị trí việc làm tuyển dụng riêng đối với người dân tộc thiểu số (nếu có), trong đó xác định cụ thể chỉ tiêu, cơ cấu dân tộc cần tuyển.

d) Số lượng biên chế, vị trí việc làm thực hiện xét tuyển (nếu có) đối với từng nhóm đối tượng: Người cam kết tình nguyện làm việc từ 05 năm trở lên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người học theo chế độ cử tuyển theo quy định của Luật Giáo dục, sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương nơi cử đi học; sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng.

đ) Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển ở từng vị trí việc làm, trong đó xác định cụ thể yêu cầu về thang điểm kết quả kiểm định chất lượng đầu vào công chức (nếu có).

e) Hình thức và nội dung tuyển dụng (thi tuyển hoặc xét tuyển); trường hợp thi tuyển thì xác định cụ thể hình thức tổ chức thi môn nghiệp vụ chuyên ngành.

g) Các nội dung khác (nếu có) như: nêu tiêu chí xác định người trúng tuyển trong trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm và điểm thi bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển theo quy định tại Quy chế này.

Điều 4. Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Cán bộ công chức.

2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiêu chuẩn công chức cấp xã; ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã.

3. Riêng chức danh công chức chỉ huy trưởng quân sự ngoài các điều kiện đăng ký dự tuyển quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn tuyển chọn theo quy định tại Điều 7 và khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Điều 5. Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển công chức cấp xã

1. Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

d) Đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã từ đủ 24 tháng trở lên đã được đánh giá xếp loại hoàn thành nhiệm vụ trở lên: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

đ) Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở, trong phong trào công nhân theo quy định của cấp có thẩm quyền: Được cộng 1,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

2. Trường hợp người dự thi tuyển hoặc xét tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều này thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tuyển hoặc xét tuyển vòng 2.

Điều 6. Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã

1. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng để tổ chức việc tuyển dụng. Hội đồng tuyển dụng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng là chủ tịch hoặc phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Phó chủ tịch Hội đồng tuyển dụng là lãnh đạo Phòng Nội vụ.

c) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là công chức thuộc Phòng Nội vụ.

d) Các ủy viên khác là đại diện lãnh đạo một số cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan. Trường hợp xét tuyển chức danh công chức chỉ huy trưởng quân sự thì 01 ủy viên là đại diện Ban chỉ huy quân sự cấp huyện.

2. Hội đồng tuyển dụng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng đã biểu quyết. Hội đồng tuyển dụng có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Căn cứ vào hình thức tuyển dụng và yêu cầu công việc quyết định việc thành lập bộ phận giúp việc phù hợp trong số các bộ phận sau: Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Ban đề thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban chấm thi, Ban chấm phúc khảo (nếu có), Ban phỏng vấn, Tổ in sao đề thi; quyết định số lượng thành viên tham gia các ban phù hợp với số lượng thí sinh dự thi. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng thành lập Tổ thư ký giúp việc.

Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn các bộ phận giúp việc của Hội đồng tuyển dụng thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

b) Tổ chức thu phí dự tuyển và sử dụng phí dự tuyển theo quy định.

c) Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, tổ chức thi, chấm thi, chấm phúc khảo theo quy chế.

d) Báo cáo chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận kết quả thi tuyển, xét tuyển.

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức thi tuyển, xét tuyển.

e) Hội đồng tuyển dụng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

3. Không bố trí những người có quan hệ vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ; cha, mẹ (vợ hoặc chồng), cha nuôi, mẹ nuôi; con đẻ, con nuôi; anh, chị, em ruột; cô, dì, chú, bác, cậu ruột; anh, chị, em ruột của vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng của anh, chị, em ruột của người dự tuyển; những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật; những người đã bị xử lý về hành vi tham nhũng, tiêu cực làm thành viên Hội đồng tuyển dụng, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng tuyển dụng.

4. Hội đồng tuyển dụng được sử dụng con dấu, tài khoản của ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc của cơ quan tham mưu trực tiếp trong các hoạt động của Hội đồng, do chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

Mục 2 **THI TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

Điều 7. Hình thức, nội dung và thời gian thi tuyển công chức cấp xã

Thi tuyển công chức cấp xã được thực hiện theo 2 vòng như sau:

1. Vòng 1:

a) Thi trắc nghiệm kiến thức chung trên máy vi tính; nội dung thi gồm 60 câu hỏi hiểu biết chung về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ. Thời gian thi 60 phút.

b) Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng; nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

c) Trường hợp đã đạt kết quả kiểm định chất lượng đầu vào công chức theo quy định tại Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức mà kết quả kiểm định chất lượng đầu vào công chức còn trong thời hạn tính đến ngày hết thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển và đáp ứng yêu cầu về thang điểm theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 3 Quy chế này (nếu có) thì không phải dự thi vòng 1 quy định tại khoản này.

2. Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

a) Hình thức thi: Viết hoặc kết hợp viết và phỏng vấn.

b) Đối với bài thi viết:

Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

Thời gian thi 180 phút (không kể thời gian chép đề).

Căn cứ vào đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị, ủy ban nhân dân cấp huyện có thể tổ chức thi viết bằng hình thức thi trên máy vi tính, đồng thời quyết định số lượng câu hỏi phù hợp, bảo đảm số lượng tối thiểu 60 câu, tối đa 120 câu (theo hình thức câu hỏi trắc nghiệm). Thời gian thi tương ứng với tổng số câu hỏi, bảo đảm tối thiểu là 90 phút, tối đa là 180 phút.

c) Đối với bài thi phỏng vấn:

Nội dung thi phỏng vấn tập trung đánh giá về năng lực: tư duy, giao tiếp, phán đoán tình huống, học hỏi, phát triển, diễn đạt, thái độ và các năng lực khác theo yêu cầu của vị trí việc làm.

Thời gian thi: Tối đa 30 phút.

d) Thang điểm bài thi viết: 100 điểm; bài thi phỏng vấn: 100 điểm.

Trường hợp thi viết bằng hình thức thi trên máy vi tính thì Hội đồng tuyển dụng (Ban đề thi) xây dựng các nhóm câu hỏi có mức độ phức tạp khác nhau và quyết định mức điểm tương ứng với từng câu hỏi.

Trường hợp lựa chọn hình thức thi kết hợp viết và phỏng vấn thì tổng điểm bài thi viết và bài thi phỏng vấn được quy đổi về thang điểm 100 theo tỷ lệ điểm của bài thi viết là 70%, của bài thi phỏng vấn là 30% (được làm tròn đến 02 chữ số thập phân).

đ) Trong cùng một kỳ thi tuyển, nếu có các vị trí việc làm yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ khác nhau thì Hội đồng tuyển dụng phải tổ chức xây dựng các đề thi môn nghiệp vụ chuyên ngành khác nhau tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

Trường hợp ủy ban nhân dân cấp huyện có yêu cầu đặc thù cao hơn về nội dung, thời gian thi môn nghiệp vụ chuyên ngành so với quy định tại khoản này thì phải xác định cụ thể trong Kế hoạch tuyển dụng.

Điều 8. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã

1. Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên. Trường hợp thi kết hợp viết và phỏng vấn thì phải dự thi đủ cả 02 bài thi (viết và phỏng vấn) và có kết quả đạt từ 50% trở lên điểm tối đa của mỗi bài thi.

b) Có kết quả điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại Điều 5 Quy chế này (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí việc làm, kể cả đối với vị trí việc làm được tuyển dụng chung cho nhiều ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm tính theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng thì việc xác định người trúng tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau:

- a) Người có kết quả điểm vòng 2 cao hơn.
- b) Người có số điểm của bài thi viết ở vòng 2 cao hơn trong trường hợp lựa chọn hình thức kết hợp viết và phỏng vấn.
- c) Người đạt kết quả kiểm định chất lượng đầu vào công chức và được miễn thi vòng 1.
- d) Người có kết quả kiểm định chất lượng đầu vào công chức cao hơn trong trường hợp cùng được miễn thi vòng 1.
- đ) Người có số câu trả lời đúng môn kiến thức chung ở vòng 1 nhiều hơn trong trường hợp cùng dự thi vòng 1.

Trường hợp vẫn chưa xác định được người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản này thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định người trúng tuyển (tiêu chí xác định người trúng tuyển phải được nêu cụ thể trong kế hoạch tuyển dụng).

3. Đối với vị trí việc làm được tuyển dụng chung cho nhiều ủy ban nhân dân cấp xã thì việc xác định cơ quan sử dụng công chức trúng tuyển thực hiện theo thứ tự ưu tiên lựa chọn trong Phiếu đăng ký dự tuyển của người trúng tuyển. Trường hợp số người trúng tuyển cùng đăng ký tuyển dụng vào một cơ quan sử dụng công chức nhiều hơn số chỉ tiêu tuyển dụng của cơ quan sử dụng công chức đó thì ưu tiên lựa chọn người có kết quả tuyển dụng cao hơn. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả tuyển dụng bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của cơ quan sử dụng công chức đó thì lựa chọn theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

Mục 3 **XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

Điều 9. Đối tượng xét tuyển công chức cấp xã

1. Việc tuyển dụng thông qua hình thức xét tuyển do ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định và được thực hiện riêng đối với từng nhóm đối tượng sau đây:

- a) Người cam kết tình nguyện làm việc từ 05 năm trở lên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- b) Người học theo chế độ cử tuyển theo quy định của Luật Giáo dục, sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương nơi cử đi học.
- c) Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng.

d) Người đăng ký dự tuyển vào chức danh công chức chỉ huy trưởng quân sự.

2. Việc tuyển dụng đối với nhóm đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

3. Chức danh công chức chỉ huy trưởng quân sự thực hiện xét tuyển đối với người có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 4 Quy chế này và thực hiện việc bổ nhiệm chức danh theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ.

Điều 10. Nội dung, hình thức xét tuyển công chức cấp xã

Xét tuyển công chức cấp xã được thực hiện theo 2 vòng như sau:

1. Vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

2. Vòng 2:

a) Phòng vấn đề kiểm tra về kiến thức, kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

b) Thời gian phỏng vấn 30 phút (trước khi phỏng vấn, thí sinh có không quá 15 phút chuẩn bị);

c) Thang điểm: 100 điểm.

Điều 11. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức cấp xã

1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức cấp xã phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.

b) Có kết quả điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại Điều 5 Quy chế này (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm tính theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển (tiêu chí xác định người trúng tuyển phải được nêu cụ thể trong kế hoạch tuyển dụng).

3. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức cấp xã không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

Mục 4

TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 12. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển công chức cấp xã

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ (Được sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức).

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện phải đăng Thông báo tuyển dụng công khai ít nhất 01 lần trên một trong những phương tiện thông tin đại chúng sau: Báo Bình Thuận, Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Thuận; đồng thời chỉ đạo đăng tải trên trang thông tin điện tử của ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhu cầu tuyển dụng.

Điều 13. Trình tự tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ (Được sửa đổi tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP).

2. Công tác chuẩn bị, tổ chức thi tuyển, xét tuyển theo Phụ lục II ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 14. Thông báo kết quả tuyển dụng công chức cấp xã

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ (Được sửa đổi tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP).

Điều 15. Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng công chức cấp xã

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ (Được sửa đổi tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP).

2. Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận

không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo đến Sở Nội vụ, ủy ban nhân dân cấp huyện trong tỉnh được biết.

Điều 16. Quyết định tuyển dụng và nhận việc đối với công chức cấp xã

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ (Được sửa đổi tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP).

Mục 5
TẬP SỰ ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 17. Chế độ tập sự

1. Người được tuyển dụng vào công chức cấp xã phải thực hiện chế độ tập sự để làm quen với môi trường công tác, tập làm những công việc của vị trí việc làm được tuyển dụng.

2. Thời gian tập sự:

a) Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 15 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Thời gian nghỉ sinh con theo chế độ bảo hiểm xã hội, thời gian nghỉ ốm đau từ 14 ngày trở lên, thời gian nghỉ không hưởng lương, thời gian bị tạm giam, tạm giữ, tạm đình chỉ công tác theo quy định của pháp luật không được tính vào thời gian tập sự.

Trường hợp người tập sự nghỉ ốm đau hoặc có lý do chính đáng dưới 14 ngày mà được chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã đồng ý thì thời gian này được tính vào thời gian tập sự.

3. Nội dung tập sự:

a) Nắm vững quy định của pháp luật về công chức; nắm vững cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan; nội quy, quy chế làm việc của cơ quan và nhiệm vụ của vị trí việc làm được tuyển dụng.

b) Trau dồi kiến thức và kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm được tuyển dụng.

c) Tập giải quyết, thực hiện các công việc của vị trí việc làm được tuyển dụng.

4. Các trường hợp được tuyển dụng vào công chức cấp xã không phải thực hiện chế độ tập sự nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Được bố trí làm việc theo đúng ngành, nghề đào tạo và theo đúng chuyên môn, nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm.

b) Thời gian công tác làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (nếu không liên tục thì được cộng dồn), bằng hoặc lớn hơn thời gian tập sự tương ứng với thời gian tập sự của vị trí được tuyển dụng quy định tại khoản 2 Điều này.

Trường hợp đáp ứng điều kiện tại điểm a khoản này nhưng chưa đủ thời gian tập sự tương ứng với thời gian tập sự của vị trí được tuyển dụng quy định tại khoản 2 Điều này thì thời gian đã công tác được tính vào thời gian tập sự. Trường hợp thời gian công tác lớn hơn thời gian tập sự thì khoảng thời gian công tác còn lại sau khi trừ đi thời gian tập sự tương ứng với thời gian tập sự của vị trí được tuyển dụng quy định tại khoản 2 Điều này được tính vào thời gian xét nâng bậc lương.

Đối với trường hợp không phải thực hiện chế độ tập sự được xếp lương theo vị trí việc làm được tuyển dụng. Các khoản phụ cấp được hưởng theo quy định của pháp luật. Cấp có thẩm quyền phải cử công chức tham gia bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức được tuyển dụng.

5. Không điều động, bố trí, phân công công tác đối với người được tuyển dụng đang trong thời gian thực hiện chế độ tập sự sang vị trí việc làm khác vị trí được tuyển dụng.

Điều 18. Hướng dẫn tập sự

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm hướng dẫn người tập sự nắm vững và tập làm những công việc theo yêu cầu nội dung tập sự quy định tại khoản 3 Điều 17 Quy chế này.

2. Chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày người trúng tuyển đến nhận việc, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã phải cử 01 lãnh đạo ủy ban nhân dân cấp xã phụ trách lĩnh vực theo vị trí việc làm của người tập sự hoặc công chức có năng lực và kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ hướng dẫn người tập sự.

Điều 19. Chế độ, chính sách đối với người tập sự và người hướng dẫn tập sự

1. Trong thời gian tập sự, người tập sự được hưởng 85% mức lương bậc 1 theo trình độ đào tạo chuyên môn được tuyển dụng. Trường hợp người tập sự có bằng tốt nghiệp ở trình độ đào tạo cao hơn so với yêu cầu về trình độ đào tạo của vị trí việc làm được tuyển dụng thì mỗi mức trình độ đào tạo cao hơn

được cộng thêm 01 bậc lương và được hưởng 85% hệ số lương ở bậc được xếp. Các khoản phụ cấp được hưởng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Chính phủ quy định chính sách tiền lương mới thì thực hiện theo quy định của Chính phủ.

2. Người tập sự được hưởng 100% mức lương tương ứng với trình độ đào tạo trong các trường hợp sau:

a) Làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.

3. Thời gian tập sự không được tính vào thời gian xét nâng bậc lương.

4. Cán bộ, công chức được phân công hướng dẫn tập sự được hưởng hệ số phụ cấp trách nhiệm bằng 0,3 so với mức lương cơ sở trong thời gian hướng dẫn tập sự.

Điều 20. Công nhận hết thời gian tập sự và xếp lương đối với công chức được tuyển dụng

1. Khi hết thời gian tập sự, người tập sự phải báo cáo kết quả tập sự bằng văn bản theo các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 17 Quy chế này; người hướng dẫn tập sự phải nhận xét, đánh giá kết quả tập sự đối với người tập sự bằng văn bản. Các văn bản này được gửi đến chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của người tập sự và nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn tập sự, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức và kết quả công việc của người tập sự. Trường hợp người tập sự đạt yêu cầu, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận hết thời gian tập sự và xếp lương đối với công chức được tuyển dụng.

Điều 21. Hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với người tập sự

1. Quyết định tuyển dụng bị hủy bỏ trong trường hợp người tập sự không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự hoặc có hành vi vi phạm đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

2. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Người tập sự bị hủy bỏ quyết định tuyển dụng được ủy ban nhân dân cấp xã trợ cấp 01 tháng lương, phụ cấp hiện hưởng (nếu có) và tiền tàu xe về nơi cư trú.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Sở Nội vụ hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Điều 23. Trách nhiệm của ủy ban nhân dân cấp huyện và ủy ban nhân dân cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm

a) Chỉ đạo, hướng dẫn ủy ban nhân dân cấp xã xác định số lượng chỉ tiêu công chức cần tuyển dụng của địa phương báo cáo ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nội vụ) tổng hợp, tham mưu tổ chức tuyển dụng.

b) Tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật hiện hành;

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm

Xác định số lượng chỉ tiêu công chức cấp xã cần tuyển dụng của địa phương báo cáo ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tuyển dụng theo quy định; thực hiện chế độ tập sự, bố trí công chức được tuyển dụng đúng vị trí tuyển dụng.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.